

# ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN: XU HƯỚNG VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP CẦN VẬN DỤNG Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PHẠM XUÂN HẬU<sup>\*</sup>, NGUYỄN THỊ HẰNG<sup>\*\*</sup>

## TÓM TẮT

*Đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên là nhu cầu tất yếu khách quan của nhà trường các cấp nói chung và Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHSPTPHCM) nói riêng. Trong quá trình thực hiện, trường cần tiếp cận các xu hướng đổi mới và nhìn nhận vai trò của mình để có những giải pháp tích cực, hợp lý góp phần thay đổi căn bản và toàn diện giáo dục Việt Nam.*

**Từ khóa:** đổi mới đào tạo, xu hướng đổi mới.

## ABSTRACT

***Innovating the methods of training teachers: the tendency and solutions for Ho Chi Minh City University of Education***

*The innovation of teaching methods for improving training quality is an inevitable and objective demand to schools in general and Ho Chi Minh City University of Education (HCMUE) in particular. In the process of implementation, HCMUE needs to approach innovation tendencies and recognize its role so that it can propose positive and reasonable solutions contributing to the basic and comprehensive innovation of Vietnam's education.*

**Keywords:** innovating training, innovation tendencies.

### 1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây và hiện nay, một trong những vấn đề “nóng” được xã hội và ngành giáo dục rất quan tâm là sự xuống cấp về chất lượng giáo dục, sản phẩm chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ mới. Trong số các yếu tố có vai trò quyết định đến chất lượng giáo dục thì yếu tố người thầy (giáo viên - GV) có vai trò đặc biệt quan trọng. Cùng với sự phát triển nhanh của nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, ngành

giáo dục đã tạo được bước chuyển biến mạnh trong việc phát triển đội ngũ GV các cấp cả về lượng và chất, và đã từng bước đáp ứng yêu cầu của xã hội. Tuy nhiên, do đội ngũ GV được đào tạo ở nhiều nguồn, nhiều trường thuộc nhiều khu vực, nhiều loại hình khác nhau nên còn bộc lộ những hạn chế nhất định. Thực tế cho thấy, đội ngũ GV đang giảng dạy ở hệ thống trường các cấp còn một tỉ lệ khá lớn chưa đạt chuẩn về đào tạo và cũng không ít những GV được đào tạo có bằng cấp nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, vì vậy khi thực hiện đổi mới chương trình và sách giáo khoa, phần lớn GV này chưa mạnh dạn đổi mới

<sup>\*</sup> PGS TS, Trường Đại học Sư phạm TP HCM

<sup>\*\*</sup> HVCH, Trường Đại học Sư phạm TP HCM

phương pháp, vẫn dạy theo phương pháp truyền thống, truyền thụ kiến thức một chiều, hoặc rất lúng túng khi sử dụng phương pháp mới. Điều đó vừa không kích thích sự hứng thú học tập của học sinh vừa làm cho người học thụ động trong quá trình học tập.

Trường ĐHSPTPHCM là trường đại học (ĐH) trọng điểm trong hệ thống các trường ĐH nói chung và sự phạm nói riêng của cả nước. Hiện tại trường có quy mô đào tạo khoảng hơn 23.000 sinh viên, trong đó có khoảng hơn 19.000 sinh viên được đào tạo ở 21 chuyên ngành sự phạm. Hàng năm, có khoảng hơn 2000 sinh viên tốt nghiệp tham gia giảng dạy ở các trường trung học phổ thông (THPT), trung học cơ sở (THCS), tiểu học (TH), mầm non và các trường khác. Nhiều năm qua, Trường ĐHSPTPHCM đã hết sức coi trọng việc nâng cao chất lượng đào tạo, đặc biệt là việc đổi mới phương pháp đào tạo, mà cốt lõi là đổi mới phương pháp giảng dạy, phương pháp học và kiểm tra đánh giá. Việc đổi mới này nhằm đào tạo một đội ngũ GV có đủ trình độ, năng lực sử dụng các phương pháp dạy học để phát huy tính chủ động, sáng tạo, khả năng tự học, tự nghiên cứu của học sinh. Tuy nhiên, quá trình triển khai thực hiện đổi mới chưa thực sự đạt được kết quả như mong muốn. Không ít GV của trường thiếu chủ động trong việc thực hiện đổi mới phương pháp, vì vậy, trường cần có sự nghiên cứu, xem xét tiếp cận những kinh nghiệm và xu hướng đổi mới của các nước, các trường mạnh của quốc gia để tìm những giải pháp hợp

lí nhằm đạt hiệu quả cao.

Bài viết này nêu một số giải pháp và xu hướng đổi mới phương pháp đào tạo GV tại Trường ĐHSPTPHCM.

## **2. Đào tạo GV và xu hướng đổi mới**

### **2.1. Đào tạo GV ở một số nước**

#### **• Ở Hoa Kỳ**

Trước những cam go khó có thể tồn tại của các phương pháp đào tạo truyền thống và một chương trình được coi là thiếu cân đối (vừa thiếu, vừa thừa), đã tạo ra đội ngũ GV không đủ năng lực đáp ứng yêu cầu thời kỳ mới. Nền giáo dục Hoa Kỳ đã có những chính sách, kế hoạch và những tiêu chí cần có của giáo sinh sự phạm (GV tương lai). Những đầu tư cho thay đổi quan trọng là: Sự chuyển đổi về chương trình đào tạo, giảm bớt tính “hàn lâm” chuyển sang gắn với thực tiễn; tập trung cao cho đào tạo theo hướng làm chủ tri thức của sinh viên và đào tạo GV theo tiêu chuẩn của từng bang; đảm bảo đầy đủ về số lượng và chất lượng GV cho các lớp tiểu học với nhiệm vụ cung cấp kiến thức nền tảng; thực hiện và nhân rộng phương pháp dạy học theo tình huống và các hình thức mới khác; kết hợp kĩ thuật dạy học qua việc tăng cường trang bị phương tiện dạy học hiện đại, thử nghiệm các kĩ thuật dạy học mới; nâng cao yêu cầu chất lượng tuyển sinh, tuyển chọn ứng viên chất lượng cao; đa dạng hóa đội ngũ giảng viên trong các trường sự phạm để được chú trọng nhiều hơn về các vấn đề dân tộc trong nhà trường. [5]

Những vấn đề đào tạo GV trong tương lai cần phải thực hiện là: Điều

chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp với nhu cầu của các trường địa phương; không duy trì bộ khung chương trình chung “xơ cứng” như của các tiểu bang đã xây dựng, mà phải thay đổi chương trình theo nhu cầu nhân lực của thị trường; các trường sư phạm phải tập trung đầu tư cho nghiên cứu khoa học – một yêu cầu nghiêm ngặt đối với giảng viên để mở rộng hợp tác, làm tăng vị thế của trường. [5]

- **Ở Singapore**

Hướng theo mục đích xác định là đào tạo GV tốt nghiệp ĐH về dạy cho các trường THPT và cả TH. Việc dạy ở cấp nào được xem xét từ kết quả của họ trong quá trình học ĐH. GV dạy TH vẫn được hưởng lương theo bậc ĐH. Để làm được việc này cần phải có một chương trình đào tạo hợp lý, đặc biệt là cho những GV dạy TH, vì tính chất và cách dạy khác nhau, mức độ trang bị kiến thức khác nhau. Một hướng đào tạo đang tồn tại và phát huy tác dụng là đào tạo GV các cấp ở bậc ĐH trong thời gian 4 năm với chương trình riêng biệt cho từng cấp: Đào tạo GV THPT; GV TH; GV mầm non. Hướng khác đang tồn tại và có hiệu quả là những người tốt nghiệp các ĐH bậc GV THPT và các ĐH khác có nguyện vọng đi dạy cho các bậc học thấp hơn (TH, mầm non...) sẽ được học một chương trình bổ sung cho phù hợp với các bậc học này. [5]

Chương trình đào tạo được xác lập đảm bảo sự cân bằng giữa lý thuyết và thực hành. Việc thực hành (thực tập sư phạm) được tiến hành sau khi đã hoàn

thành phần lý thuyết. Thời gian thực hành được thực hiện theo chương trình chung khoảng 10 tuần; nội dung đánh giá thực hành với 3 hoạt động chủ yếu là: quan sát bài giảng trên lớp có chuẩn bị trước; quan sát kết hợp giữa GV, học sinh, quan sát viên ở trường ĐH và nhận xét, đánh giá việc dạy học thực tập. Việc đánh giá các hoạt động này nhằm mục đích giúp giáo sinh thấy rõ điểm mạnh, điểm yếu của mình khi làm việc trực tiếp với học sinh trên lớp, với GV ở trường phổ thông cùng các đối tác phối kết hợp; đặc biệt là việc hiểu rõ hơn tính chất của việc dạy học trong nhà trường phổ thông. [5]

- **Ở Nhật Bản**

Khác với nhiều nước, ở Nhật Bản có tới 56/96 trường ĐH quốc gia chịu trách nhiệm đào tạo GV. Ở mỗi vùng đều thành lập ít nhất một trường ĐH, trong đó có khoa đào tạo GV. Quốc gia này chú ý xác định vai trò quan trọng của trường phổ thông trực thuộc trường sư phạm. Trường này được xem là cơ sở giúp cho việc chủ động thực hiện chương trình rèn luyện thực tế của giáo sinh. Trong quá trình học, ngoài việc tiếp cận thường xuyên với trường này, sinh viên còn phải dành thời lượng khoảng 3 đến 4 tuần để thực hành dạy học, phải tham gia giảng dạy trực tiếp khoảng 15 đến 25 tiết. Việc thực tập trong quá trình đào tạo GV ở trường sư phạm được thực hiện thời gian 4 năm, chia làm 2 giai đoạn: giai đoạn đầu thực tập trong khoảng thời gian 1-2 tuần vào năm thứ 3 của khóa học; giai đoạn 2 diễn ra trong khoảng 3 tuần vào năm thứ 4 của khóa học. Do có sự khác

biệt trong các chương trình đào tạo, nên người được chọn làm GV phải đảm bảo các yêu cầu tối thiểu về các tín chỉ do nhà trường quy định. Những sinh viên tốt nghiệp từ các khoa giáo dục của các ĐH đa ngành và các khoa chuyên môn của các ĐH khác phải vượt qua kì thi do ủy ban giáo dục của địa phương tổ chức để trở thành GV. [5]

Nhằm phát triển cho tương lai, Bộ Giáo dục Nhật Bản đã khuyến khích các trường ĐH tăng cường chất lượng và thay đổi đội ngũ GV sư phạm để có thể trang bị cho sinh viên nền tảng kiến thức rộng rãi cả về chương trình lẫn nội dung và cách đánh giá kết quả giáo dục. Bên cạnh đó, các trường ĐH và các sở giáo dục địa phương thường xuyên có những diễn đàn thảo luận, trao đổi về cách đào tạo GV.

#### • Ở Hàn Quốc

Phần lớn GV ở Hàn Quốc được đào tạo theo các cấp bậc như: trường ĐH sư phạm đào tạo GV TH; các trường cao đẳng và các chương trình cấp chứng chỉ sư phạm trong các trường ĐH (dạy cấp THPT và cơ sở). Việc đào tạo GV cũng được tổ chức tại các khoa sư phạm trong các trường ĐH khác (ĐH Hàng không và Buu chính, trường cao đẳng nghề...).

Thời gian đào tạo trong trường là 4 năm. Các môn học thực hiện theo hình thức tín chỉ. Chương trình đào tạo được Bộ Giáo dục Hàn Quốc quy định, gồm 3 phần: Kiến thức khoa học xã hội - nhân văn (20%), các môn cốt lõi (60%), các môn tự chọn (20%). Trong khóa học 4 năm ở các trường sư phạm đào tạo GV,

sinh viên phải có thời gian thực tập giảng dạy tại các trường tương ứng (THPT, THCS, TH) khoảng 4 tuần. Trong thời gian này, giáo sinh phải thực hiện và đạt được những yêu cầu cơ bản về nghiệp vụ (kiến thức và hành vi) đã được quy định với các tiêu chí do Bộ Giáo dục và cơ quan quản lí giáo dục địa phương ban hành. [5]

#### 2. Đào tạo giáo viên ở Việt Nam

Hiện nay, ở nước ta có khoảng 133 cơ sở đào tạo, bồi dưỡng GV và cán bộ quản lí giáo dục, trong đó có 14 trường ĐH sư phạm, 49 trường ĐH có khoa, ngành sư phạm. Việc đào tạo GV tại các trường sư phạm hầu hết tiến hành theo phương pháp truyền thống (đào tạo trình độ ĐH 4 năm), đào tạo GV dạy THPT dạy chuyên theo mô hình một môn, năm cuối khóa có thời gian thực tập khoảng 7-8 tuần về kĩ năng và nghiệp vụ sư phạm (dạy học) theo môn học ở trường trung học, cũng có một số trường thực hiện đào tạo GV dạy ghép một môn chính và một môn phụ.

Trong những năm gần đây, xuất hiện một số trường, khoa sư phạm trong các trường ĐH thực hiện đào tạo GV theo mô hình 3+1 (3 năm chuyên môn và 1 năm nghiệp vụ), hoặc mô hình 4+1 (4 năm học chuyên môn, 1 năm học nghiệp vụ). Ngoài ra, còn có hình thức tuyển những sinh viên tốt nghiệp các chuyên ngành ở các trường ngoài sư phạm có nhu cầu đi dạy để bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm. Rõ ràng, việc đa dạng hóa các hình thức đào tạo GV đã góp phần giải quyết được nguyện vọng cá nhân của

những người muốn làm nghề dạy học và sự thiếu hụt GV ở các địa phương, nhưng cũng bộc lộ những khó khăn, hạn chế trong quá trình triển khai đổi mới phương pháp giảng dạy, làm ảnh hưởng đến chất lượng đội ngũ GV khi tham gia dạy học tại các trường THPT.

Sự đòi hỏi đối với các trường sư phạm nói chung và ĐH sư phạm nói riêng là phải tìm được những mô hình đào tạo, những xu hướng đổi mới phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện cụ thể, đưa ra những giải pháp phù hợp để thực hiện thành công việc đổi mới phương pháp đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ GV, đáp ứng nhu cầu xã hội trong thời kỳ mới.

### **3. Những xu hướng đổi mới**

#### **3.1. Về hình thức và chương trình**

Nhiều công trình nghiên cứu về thực trạng đào tạo GV của các nước trên thế giới đã cho thấy khá rõ về các mô hình đào tạo GV trong các trường sư phạm đang phát triển, cụ thể là:

- Ngành sư phạm được coi là một bộ phận của các trường ĐH tổng hợp, thực chất là khoa giáo dục hoặc viện sư phạm trong trường ĐH (phổ biến ở các nước Hoa Kỳ, Anh, Nhật Bản...).

- Các trường sư phạm cấp thấp (trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm...) được nâng cấp thành trường ĐH sư phạm (trong đó đào tạo GV các cấp).

- Trường ĐH sư phạm được hợp nhất từ các trường đào tạo GV các cấp, thực hiện đào tạo GV từ TH đến ĐH.

- Trường ĐH độc lập, với mục đích duy nhất là đào tạo GV ở trình độ ĐH và

sau ĐH. Các mô hình đào tạo này thể hiện rõ ở các nước: Pháp, Trung Quốc, Nhật Bản và một số nước khu vực Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam.

Nhìn chung, hiện nay, ở các nước Đông Bắc Á và Đông Nam Châu Á, chương trình đào tạo GV còn thiếu sự cân đối giữa đào tạo kiến thức chuyên ngành với giáo dục học (lí thuyết giáo dục, lí luận dạy học, phương pháp giảng dạy bộ môn...). Việc quy định thời gian thực tập sư phạm tại các trường phổ thông cũng khác nhau, cụ thể như: Thời gian thực tập bắt buộc trong chương trình ở Nhật Bản: 3 tuần; Trung Quốc: 6 tuần; Hàn Quốc: 4 tuần; Singapore: 10 tuần; Đài Loan: 3 tuần; Việt Nam: 8 tuần.

Vì vậy, xu thế xây dựng một chương trình đào tạo đảm bảo sự cân đối hài hòa giữa lí thuyết về giáo dục với kiến thức khoa học chuyên ngành và nghiệp vụ sư phạm đã trở thành mục tiêu đặc biệt quan trọng trong suốt quá trình đào tạo.

#### **3.2. Về nội dung và phương pháp**

Việc đào tạo GV trong vài thập kỉ gần đây đã có bước tiến nhanh, thay đổi căn bản về nhận thức và cách đào tạo, từ việc rập khuôn máy móc theo các thao tác và công việc của người dạy, chuyển sang việc giúp xác lập sự độc lập, chủ động và sáng tạo của người học. Các trường phổ thông ngày nay không còn được coi là nơi gửi và nhờ giúp đỡ cho giáo sinh của trường sư phạm đến thực tập, mà đã dần được coi là đối tác cộng đồng trách nhiệm của các trường sư phạm. Các xu hướng đổi mới phương

pháp đào tạo GV chính đang diễn ra là:

- Xu hướng dạy học lấy người học làm trung tâm phát triển mạnh trong ba, bốn thập kỉ qua, khởi đầu và tập trung ở các nước phát triển thuộc châu Âu, Bắc Mỹ đã lan truyền sang các nước đang phát triển, trong đó có nhiều quốc gia châu Á. Xu hướng này đặt ra và đòi hỏi các GV và giáo sinh sư phạm phải chuyển đổi chức năng trong quá trình giáo dục, đó là: Người thầy cần giảm bớt vai trò “độc thoại”, là “trung tâm” trong suốt quá trình dạy học, mà phải dành cho người học vị thế mới với nhiều cơ hội trở thành “trung tâm”, với phương pháp học mới, tích cực, chủ động, sáng tạo trong quá trình tìm tòi và lĩnh hội tri thức trên cơ sở sử dụng công nghệ thông tin.

- Xu hướng chuyển từ nhiệm vụ truyền đạt kiến thức sang việc giúp người học hình thành kĩ năng, phương pháp tự học, năng lực tự giải quyết vấn đề. Xu hướng này được nhìn nhận với trách nhiệm cao ở các nước Liên minh châu Âu khi họ nhận thức rằng: Trong thời đại bùng nổ về thông tin, nhà trường hiện đại không thể sử dụng phương pháp dạy học cũ mà cần phải thay đổi vai trò của GV. Trước những đòi hỏi của xã hội hiện đại, GV phải có năng lực làm việc với công nghệ, thông tin, cập nhật kiến thức; biết làm việc với người cùng học, đồng nghiệp, các đối tác hỗ trợ; chủ động làm việc trong mọi môi trường xã hội.

- Xu hướng tăng cường sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học cho thấy rõ tác động của việc sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông

trong việc đổi mới quá trình dạy học là rất lớn, bởi nó tạo ra nhiều phương pháp tiếp cận chương trình, nội dung trong quá trình dạy học; tạo điều kiện phát triển năng lực chủ yếu như dạy/ học theo dự án, khai thác tài liệu qua internet, thay đổi cách đánh giá kết quả học tập. Vì vậy, việc tăng cường sử dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong dạy/ học đã và đang trở thành mục tiêu phổ biến, xu hướng chung ở tất cả các quốc gia trên thế giới ngày nay.

- Xu hướng giáo dục vì sự phát triển bền vững đã và đang trở thành vấn đề nóng của thế giới hiện đại trong bối cảnh toàn cầu hóa. Phát triển bền vững hiện nay được coi là bước đổi mới xã hội có liên quan đến vai trò và trách nhiệm của mọi người, thông qua sự thay đổi về thái độ và hành vi của mỗi người, cộng đồng và toàn xã hội. Giáo dục phát triển bền vững là nền giáo dục mở ra cho tất cả mọi người cơ hội tiếp thu tri thức, những giá trị cùng phương pháp hành động, phong cách sống cho một tương lai cao hơn. Xu hướng này đang phát triển trong hệ thống các trường nói chung và đào tạo GV ở các nước châu Âu, điển hình là nước Đức, Pháp, Bỉ...

Trong thập kỉ giáo dục vì sự phát triển bền vững (2005-2014) do Liên hiệp quốc phát động, việc đổi mới đào tạo GV theo những định hướng của sự phát triển bền vững đã trở thành trào lưu quan trọng được phổ biến rộng rãi. Những định hướng của phát triển bền vững là đẩy mạnh quá trình hiện đại hóa, đổi mới trên các khía cạnh hành vi, thái độ, thể chế và

công nghệ. Quá trình đổi mới đào tạo GV theo định hướng của sự phát triển bền vững là làm sao cho “các cơ sở đào tạo GV trở thành tổ chức phát triển bền vững, là nơi đào tạo ra những GV có năng lực giáo dục phát triển bền vững” [1].

### **3. Một số giải pháp đổi mới cần thực hiện**

Trường ĐHSPTP HCM là trường chuyên đào tạo GV các cấp từ mầm non, TH, THCS, THPT, giáo dục đặc biệt... cả ĐH và trên ĐH. Để hoàn thành trọng trách một trường ĐH sư phạm trọng điểm của các tỉnh phía Nam và cả nước, trường cần có những giải pháp hợp lí để thực hiện hiệu quả việc đổi mới phương pháp đào tạo GV. Theo chúng tôi, những giải pháp dưới đây sẽ hỗ trợ tốt cho quá trình đổi mới:

#### ***(i) Nhận thức về đổi mới phương pháp***

Xác định đổi mới phương pháp đào tạo là trách nhiệm của tất cả cán bộ quản lí, giảng viên, công nhân viên ở mọi lĩnh vực, mọi đơn vị trong trường, vì:

- Tính cấp thiết, mục tiêu, nội dung và yêu cầu của việc đổi mới phương pháp đào tạo phải được quán triệt đến từng người, như vậy mới có thể tạo được động lực và phát huy sức mạnh tổng thể, đồng bộ trong quá trình thực hiện;

- Đổi mới phương pháp đào tạo phải được đặt trong mối quan hệ chặt chẽ với đổi mới quản lí, chương trình, nội dung, hình thức tổ chức (đào tạo, kiểm tra đánh giá);

- Phải hiểu rõ đổi mới không có

nghĩa là bỏ hẳn các phương pháp truyền thống, mà cần sử dụng các phương pháp truyền thống theo hướng phát huy tính chủ động, tích cực, sáng tạo của người học;

- Cần có nhận thức đúng đắn và thấu đáo là “người học và việc học là lí do quyết định người dạy và việc dạy”. Vì vậy, khi xác định sử dụng phương pháp trên quan điểm lấy người học làm trung tâm, cần chú ý tạo mọi điều kiện để người học có được môi trường học tập thuận lợi nhất;

- Người dạy khi thực hiện việc dạy phải xuất phát từ động cơ, trình độ, điều kiện, đặc điểm... của người học;

- Dành mọi điều kiện thuận lợi nhất để tạo cho người học tính chủ động, độc lập, sáng tạo trong lĩnh hội kiến thức, tự kiểm tra, đánh giá năng lực của mình;

- Chú ý đến đặc điểm xuất thân và tính riêng biệt, sự phân hóa cá nhân để có phương pháp phù hợp, phát huy đúng năng lực thì mới đem lại hiệu quả như mong muốn.

#### ***(ii) Triển khai rộng và hiệu quả việc đổi mới phương pháp dạy của giảng viên***

Trường cần có văn bản pháp lí và định chế cụ thể, yêu cầu từng giảng viên phải:

- Vận dụng nghiêm túc, có trách nhiệm phương pháp giảng dạy theo hướng giúp người học chủ động, sáng tạo tự học, tự nghiên cứu;

- Khắc phục đến chấm dứt lối truyền đạt kiến thức một chiều, bỏ quan niệm “người thầy là trung tâm”, giảm thời gian học lí thuyết, tăng thời gian tự học, tự

nghiên cứu của người học;

- Tích cực chủ động sử dụng phương pháp mới theo hướng lấy người học làm trung tâm, người học phải là người chủ động, độc lập, tự quyết quá trình học tập và nghiên cứu.

**(iii) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình dạy học**

Các phương tiện truyền thông đang làm thay đổi cách tiếp cận tri thức của con người. Sự phát triển vô cùng nhanh chóng của công nghệ thông tin đã “trình diễn” một khối lượng kiến thức khổng lồ, đòi hỏi con người phải có khả năng thu nhận, tổng hợp, phân tích để hiểu biết chính xác bản chất, đồng thời, phải cho người học biết cách chủ động tìm kiếm, ghi nhận, phân tích vì:

- Công nghệ thông tin đã góp phần tích cực vào việc đổi mới phương pháp dạy học của người dạy. Các công cụ đa phương tiện giúp người dạy trình diễn kiến thức phong phú, sinh động và hấp dẫn;

- Công nghệ thông tin cũng là phương tiện quan trọng có vai trò quyết định đổi mới việc học của người học. Thông qua các công cụ, người học chủ động tìm tòi, tiếp cận, chọn lọc kiến thức có liên quan trong quá trình học, làm tăng sự tự tin, khả năng tự lập trong học tập và nghiên cứu.

**(iv) Tăng cường chất lượng dạy học các môn nghiệp vụ sư phạm**

Để tăng cường chất lượng dạy học các môn nghiệp vụ sư phạm, cần đặc biệt quan tâm đầu tư toàn diện, thực hiện kết hợp các môn nghiệp vụ sư phạm với các

môn khoa học cơ bản, cụ thể là:

- Đầu tư thích đáng về thời lượng, cơ sở vật chất và đội ngũ giảng viên cho việc dạy các môn về nghiệp vụ sư phạm như: Tâm lý học, Giáo dục học, Phương pháp giảng dạy bộ môn, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm;

- Khi dạy các kiến thức chuyên môn (các ngành học) cần có sự kết hợp rèn luyện cho người học những kiến thức và kỹ năng sư phạm, thông qua những hoạt động của thầy cô trong tiết dạy trên lớp (tác phong, cách truyền đạt, cách sử dụng phương tiện dạy học, diễn đạt, xử lý tình huống và các hành vi khi ở vị trí người thầy...);

- Xây dựng phòng giảng mẫu hiện đại đủ để có thể tăng cường tổ chức các tiết thực hành tập giảng cho sinh viên, giúp họ rèn luyện kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và thiết bị dạy học hiện đại.

**(v) Đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá**

Kiểm tra, đánh giá là khâu đặc biệt quan trọng của quá trình dạy học. Kết quả kiểm tra đánh giá phản ánh mức độ đạt được mục tiêu của việc dạy học, đo được khả năng đáp ứng nhu cầu xã hội từ những sản phẩm đào tạo. Vì vậy, phải coi trọng việc kiểm tra, đánh giá nhằm phát huy tác dụng của quá trình đổi mới phương pháp dạy học. Việc đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá cần lưu ý các vấn đề sau:

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá cần áp dụng nhiều phương pháp khác nhau như: tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm khách



quan; tiểu luận, bài tập lớn, niên luận, thảo luận, báo cáo kết quả thực tế - thực địa, bài chuẩn bị cho thảo luận nhóm và tổ, trình bày trước nhóm...; tạo cơ hội cho sinh viên thể hiện khả năng tự học, tự nghiên cứu. Kết quả đánh giá cần chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của sinh viên thể hiện ở bài thi, bài kiểm tra;

- Việc thi cử, kiểm tra đánh giá sinh viên cần công khai trong quá trình dạy học về kết quả sử dụng các hình thức kiểm tra đánh giá;

- Tăng cường thi kiểm tra theo hướng mở (được sử dụng tài liệu khi làm bài), thực hiện công khai đáp án sau khi thi xong cho mọi hình thức thi;

- Việc đánh giá kết quả cần có sự phối, kết hợp các hoạt động học tập thường xuyên trên lớp và thực tế, thể hiện sự hiểu biết qua phát biểu tranh luận trong giờ học và thực hành, để sinh viên có niềm tin trong tự học;

- Cần thúc đẩy việc thành lập ngân hàng đề thi và câu hỏi cho các hình thức thi; hệ thống các câu hỏi ngoài việc thể hiện được nội dung cơ bản của chuyên môn, còn cần có những câu hỏi phát huy tính sáng tạo của sinh viên. Ngân hàng câu hỏi phải được bổ sung thường xuyên hàng năm với những kiến thức, thông tin cập nhật.

***(vi) Hỗ trợ tối đa các điều kiện cần thiết cho đổi mới phương pháp đào tạo***

Cần tập trung trí tuệ đổi mới chương trình, nội dung đào tạo cho phù hợp với nhu cầu xã hội, đặc biệt trong giai đoạn thực hiện đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục Việt Nam (2015-

2030), cụ thể là:

- Các bài giảng trên lớp của giảng viên và bài tập tự làm của sinh viên phải thể hiện sự khơi dậy niềm đam mê, tính tò mò, tính tự lập giải quyết các vấn đề đặt ra bằng cách tốt nhất;

- Cần cập nhật bổ sung kịp thời các kiến thức sáng tạo khoa học mới;

- Tăng cường giảng dạy kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cho sinh viên trong quá trình học tập và tập giảng dạy.

Tăng thời lượng và nội dung giảng dạy các môn nghiệp vụ, hình thành kỹ năng dạy cho sinh viên trong quá trình học, nhằm giúp cho những GV tương lai có tầm nhìn tổng hợp các hoạt động cần thiết của người thầy, giúp sinh viên khi thực thi công tác giảng dạy bằng cách:

- Đưa các hoạt động nghiệp vụ sư phạm vào chương trình thường xuyên từ năm thứ nhất đến năm cuối khóa với nhiều hình thức khác nhau, phù hợp với nhận thức của sinh viên ở từng khối lớp;

- Xây dựng hoàn chỉnh và ban hành rộng rãi trong trường, đến từng GV và sinh viên bộ chuẩn kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ sư phạm;

- Tăng cường các hoạt động thực tế ở các trường THPT để sinh viên tiếp cận, nắm bắt các hoạt động của nhà trường, tạo được sự gắn gũi với môi trường mà tương lai khi ra trường mình sẽ là thành viên hoặc chủ nhân.

***(vii) Tập trung đầu tư, nâng cao hiệu quả kiến tập, thực tập sư phạm***

Đề đầu tư, nâng cao hiệu quả kiến tập, thực tập sư phạm, cần thực hiện các biện pháp sau:

- Phát huy tối đa lợi thế từ Trường Trung học Thực hành của trường để sinh viên có nhiều cơ hội tiếp cận dự giờ, tập giảng thường xuyên;

- Lựa chọn các trường THPT có uy tín về tổ chức quản lí, có tinh thần trách nhiệm, chất lượng chuyên môn tốt để đưa sinh viên đến kiến tập, thực tập;

- Tổ chức các đoàn thực tập (tổng hợp), không nên quá đông sinh viên mỗi ngành, vào một trường (chỉ nên khoảng 2 - 3 sinh viên/ ngành), để họ có điều kiện tiếp cận công việc và được sự hướng dẫn có lựa chọn nhiều hơn;

- Thực hiện cải tiến cách đánh giá kết quả thực tập sư phạm hiện nay bằng cách: thực hiện đánh giá môn nghiệp vụ sư phạm bằng kết quả tổng hợp từ kết quả học các môn nghiệp vụ (lí luận dạy học, phương pháp dạy học bộ môn, tâm lí học, giáo dục học...) và kết quả thực tập (tại các trường THPT) thành kết quả chung là kết quả “nghiệp vụ sư phạm”;

- Đáp ứng đầy đủ các điều kiện về phương tiện giảng dạy, thực hành, tài chính... cho việc giảng dạy các môn học nghiệp vụ sư phạm và thực tập sư phạm tại các phòng chuyên đề ở trường sư phạm và nơi thực tập (trường THPT).

***(vii) Nâng cao hiệu quả quản lí, chỉ đạo quá trình thực hiện đổi mới***

Lãnh đạo trường và các phòng ban phải xem đổi mới phương pháp đào tạo là nhiệm vụ và trách nhiệm thường xuyên của mình, chỉ đạo và hỗ trợ có hiệu quả cho các đơn vị chuyên môn triển khai nhiệm vụ đổi mới (cơ chế, phương tiện, tài chính), cụ thể như:

- Thực hiện thường xuyên lấy ý kiến của sinh viên về chất lượng (chuyên môn, phương pháp dạy...) của từng giảng viên;

- Sơ kết, tổng kết đánh giá và thông báo kịp thời cho các khoa, cá nhân giảng viên kết quả lấy ý kiến sinh viên, thực hiện khen thưởng và nhắc nhở để giảng viên điều chỉnh (nếu có).

Các khoa chuyên môn tổ chức phát động, xác định trách nhiệm đến từng GV về thực hiện đổi mới phương pháp đào tạo:

- Từng bước chọn lọc những phương pháp được sinh viên đánh giá hiệu quả với quá trình học của họ, sau đó phổ biến cho giảng viên vận dụng;

- Tổ chức dự giờ thường xuyên, rút kinh nghiệm, phát huy ưu điểm, bổ sung kịp thời những hạn chế của việc dạy và học.

Từng giảng viên phải thể hiện lòng tự trọng, coi việc đổi mới phương pháp đào tạo là việc sống còn của giảng viên:

- Chủ động thực hiện đổi mới phù hợp với điều kiện cụ thể của môn học;

- Biết tiếp nhận những đánh giá nhận xét từ kết quả khảo sát khách quan của sinh viên;

- Chủ động phát huy điểm mạnh, khắc phục hạn chế để hoàn thiện mình;

- Tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tiếp cận những tiến bộ khoa học kĩ thuật mới, khai thác hiệu quả các phương tiện thông tin, truyền thông để cập nhật kiến thức chuyên môn bổ sung cho bài giảng của mình.

#### 4. Kết luận

Đổi mới phương pháp đào tạo trong nhà trường nói chung và các trường sư phạm nói riêng là một thực tế khách quan, xuất phát từ nhu cầu phát triển của xã hội.

Trường ĐHSPTPHCM là trường trọng điểm, có nhiệm vụ đào tạo đội ngũ GV chất lượng cao cho khu vực phía Nam và cả nước. Trong những năm qua, trường đã không ngừng thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy, nhằm nâng cao

chất lượng đào tạo đội ngũ GV. Đứng trước những yêu cầu khách quan của quá trình hội nhập, Nghị quyết của Đảng về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục Việt Nam giai đoạn 2015-2030, cùng những xu hướng đổi mới phương pháp đào tạo của các nước trong khu vực và thế giới, trường cần có những giải pháp tích cực, hợp lý để thực hiện đổi mới phương pháp đào tạo GV, như vậy mới có thể thực hiện tốt vai trò trọng điểm của mình.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2004), *Kiểm yếu Hội thảo đổi mới giáo dục ĐH Việt Nam hội nhập và thách thức*, Hà Nội, tháng 3-2004.
2. Đại học Quốc gia Hà Nội (2004), *Kiểm yếu Hội thảo khoa học chất lượng giáo dục và vấn đề đào tạo giáo viên*, Hà Nội, tháng 10-2004.
3. Phạm Xuân Hậu (2009), *Xây dựng chuẩn kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ sư phạm tại Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, 2009.
4. Trần Thị Thu Mai (2005), *Tiêu chuẩn người giáo viên trong nền kinh tế tri thức*, kỷ yếu hội thảo, Viện Nghiên cứu Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Nguyễn Đức Vũ (2009), *Một số giải pháp đổi mới phương pháp đào tạo giáo viên trung học phổ thông*, đề tài dự án phát triển giáo viên trung học phổ thông, Đại học Sư phạm Huế.

**Người phản biện khoa học: TS. Trần Thị Thu Mai**

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 14-8-2013; ngày phản biện đánh giá: 28-8-2013;

ngày chấp nhận đăng: 19-9-2013)